

Sự biến đổi đời sống tôn giáo ở Việt Nam trong bối cảnh toàn cầu hóa

ISSN: 2734-9195 17:37 24/07/2025

Việc quan tâm vấn đề toàn cầu hoá tôn giáo giúp cho mỗi quốc gia có cách ứng xử linh hoạt nhằm biến những thách thức thành cơ hội để hội nhập và phát triển.

Tác giả: **ThS. Bùi Văn Hà**

Giảng viên Khoa Lý luận chính trị - Trường ĐHSPKT Hưng Yên

Tóm tắt: Toàn cầu hoá tôn giáo đang đặt ra những vấn đề rất mới, thậm chí nhiều thách thức với đời sống tôn giáo ở nhiều quốc gia trên thế giới. Vấn đề này cần được nghiên cứu và làm rõ ngay cả trường hợp Việt Nam hiện nay. Việc quan tâm vấn đề toàn cầu hoá tôn giáo giúp cho mỗi quốc gia có cách ứng xử linh hoạt nhằm biến những thách thức thành cơ hội để hội nhập và phát triển. Bài viết làm rõ những biểu hiện của sự biến đổi đời sống tôn giáo ở Việt Nam trong bối cảnh toàn cầu hoá. Từ đó làm rõ nguyên nhân và đưa ra một số khuyến nghị về vấn đề tôn giáo ở Việt Nam hiện nay.

Từ khoá: Toàn cầu hoá, toàn cầu hoá tôn giáo, tôn giáo ở Việt Nam.

I. Đặt vấn đề

Hội nhập quốc tế trong bối cảnh toàn cầu hóa đang là xu hướng tất yếu, có tác động sâu sắc đến nhiều lĩnh vực của đời sống xã hội. Cùng với sự gia tăng của quá trình toàn cầu hóa kinh tế, toàn cầu hóa văn hóa, sự bùng nổ công nghệ thông tin và truyền thông, các luồng di cư, trong thập niên đầu của thế kỷ 21, người ta đã và đang nói nhiều đến vấn đề toàn cầu hoá về tôn giáo. Toàn cầu hóa vừa là cơ hội để giao lưu văn hóa, tín ngưỡng, tôn giáo, vừa tạo ra sự đa dạng tín ngưỡng, tôn giáo. Nhưng đồng thời cũng làm cho vấn đề tôn giáo trên thế giới cũng như ở Việt Nam ngày càng trở nên phức tạp.

Trong bối cảnh đó, tín ngưỡng, **tôn giáo Việt Nam** đã và đang có nhiều thay đổi. Điều đó đặt ra vấn đề vai trò quản lý của Nhà nước đối với sự biến đổi phức

tạp đó như thế nào để nhằm đáp ứng nhu cầu đa dạng về tôn giáo của Nhân dân và gắn liền với bảo tồn các giá trị truyền thống Việt Nam trong bối cảnh mới. Đề tài cố gắng làm rõ vấn đề về toàn cầu hoá tôn giáo và những biến đổi của đời sống tôn giáo ở Việt Nam trong bối cảnh toàn cầu hoá. Từ đó đề xuất một vài kiến nghị nhằm giải quyết vấn đề tôn giáo ở Việt Nam hiện nay.

II. Nội dung

1. Khái niệm toàn cầu hóa tôn giáo

Khái niệm toàn cầu hóa (Globalization) xuất hiện lần đầu tiên trong từ điển của Anh vào năm 1961 và được sử dụng phổ biến vào cuối thập niên 1980 lại đây. Cho đến nay, nhân loại thừa nhận rằng toàn cầu hóa trở thành một xu thế khách quan không thể cưỡng lại của lịch sử phát triển nhân loại. Thực tế, toàn cầu hóa đã diễn ra mạnh mẽ trong lĩnh vực kinh tế khoảng hai thập niên cuối của thế kỷ XX cho đến hiện nay. Bên cạnh toàn cầu hoá kinh tế thì các lĩnh vực khác của đời sống xã hội cũng biến đổi rất nhanh trong bối cảnh hội nhập toàn cầu. Trong khung cảnh đó, có vấn đề toàn cầu hoá tôn giáo.

Đầu năm 2000, cuộc hội thảo của Hiệp hội các ngành khoa học xã hội về tôn giáo của Pháp (FASR) ở Paris đã dành cho chủ đề về những hiện tượng mới mẻ xung quanh toàn cầu hoá tôn giáo. Kết quả của cuộc hội thảo này đã đưa ra một định nghĩa về toàn cầu hoá tôn giáo như sau:

“Toàn cầu hóa tôn giáo trước hết được hiểu là quá trình chuyển từ tính quốc tế, vốn được hiểu theo nghĩa liên nhà nước (inter-étatique), sang tính xuyên quốc gia: các chiến lược bành trướng tôn giáo không còn hoặc ít liên quan đến các quyền bá chủ về chính trị và thường phụ thuộc vào phạm vi của các logic mới, mà những logic này không còn phụ thuộc vào mối quan hệ giữa các nhà nước nữa. Nếu việc xuất khẩu các tôn giáo diễn ra trong các thế kỷ trước gắn bó chặt chẽ với lịch sử các cuộc bành trướng thực dân thì các luồng tôn giáo hiện nay không còn chỉ đáp ứng logic đó nữa. Hiện nay xu thế toàn cầu hóa tôn giáo đang thoát khỏi tầm kiểm soát của nhà nước và vượt lên trên các đường biên giới. Ngoài ra, các luồng tôn giáo này không còn giới hạn ở sự lưu truyền Bắc - Nam mà đã trở nên đa chiều...”

Như vậy là định nghĩa này cho ta thấy một số yếu tính rất cơ bản của toàn cầu hoá tôn giáo trong bước đầu nhận thức về nó. Toàn cầu hoá nói chung rõ ràng tạo ra dấu ấn, một sức ép về không gian và thời gian, làm biến đổi mọi hoạt động của loài người. Trong lĩnh vực tôn giáo, các tác giả trên cũng lưu ý trước hết đến sự phá vỡ các đường biên giới và xáo trộn cả những cột mốc biên giới

vừa mới thiết lập của bản đồ địa - tôn giáo. Mặt khác, vượt qua chế độ nhà nước tập trung, ngày càng xuất hiện nhiều thể chế mang tính toàn cầu và những “trật tự quốc tế” mới về đời sống tôn giáo. Đặc biệt, sự xuất khẩu các tôn giáo ra khỏi những vùng lãnh thổ gốc của chúng, nói cách khác là sự giải lãnh thổ hoá, cũng đang diễn ra với những dòng chảy mới, đa chiều chưa từng có.

Một định nghĩa khác đáng chú ý là của D. Lehmann, cho rằng: *“Toàn cầu hóa không chỉ nói đến mặt giống nhau hay mặt đồng đều và sự phá hủy các ranh giới văn hóa. Trái lại, nó còn sinh ra những ranh giới mới, cắt ngang nhau trong phạm vi văn hóa, tộc người, ngôn ngữ và tôn giáo. Tôn giáo có vai trò quan trọng trong quá trình ấy”*.

Nếu vận dụng những định nghĩa trên vào đời sống tôn giáo thế giới, chúng ta thấy rằng nhiều tôn giáo thế giới đã và đang diễn ra những biểu hiện, những quá trình xâm thực. Không những Công giáo, Tin lành..., có những lợi thế nào đó trong “Toàn cầu hóa tôn giáo” mà ngay cả các tôn giáo khác như Ấn Độ giáo, Phật giáo cũng có những điều kiện hội nhập mới. Và tất nhiên, cả những thách thức mới. Toàn cầu hóa nói chung là một thực tại phong phú, đa chiều, đem lại cho loài người nhiều lợi thế phát triển vĩ mô cũng như vi mô nhưng tự bản thân cũng chứa đựng nhiều nghịch lý.

Toàn cầu hoá tôn giáo đang đặt ra những vấn đề rất mới, đặt ra nhiều thách thức với đời sống tôn giáo ở nhiều quốc gia trên thế giới. Vấn đề này cần được nghiên cứu và làm rõ ngay cả trường hợp Việt Nam hiện nay. Việc quan tâm vấn đề toàn cầu hoá tôn giáo giúp cho mỗi quốc gia có cách ứng xử linh hoạt nhằm biến những thách thức thành cơ hội để hội nhập và phát triển.

2. Một số biểu hiện của sự biến đổi đời sống tôn giáo ở Việt Nam trong bối cảnh toàn cầu hóa

2.1 Sự trở lại của niềm tin tôn giáo, biến đổi diện mạo và tái cấu trúc tôn giáo

Sự trở lại của niềm tin tôn giáo thể hiện ở gia tăng nhu cầu đời sống tôn giáo, số lượng tín đồ, chức sắc. Dưới tác động của kinh tế thị trường trong bối cảnh toàn cầu hóa, thời kỳ CMCN 4.0, đời sống tôn giáo ở nước ta có sự biến đổi sâu sắc. Đó là sự biến đổi về đức tin, nhu cầu đời sống tâm linh, tín ngưỡng, tôn giáo gia tăng với sự “trở lại niềm tin tôn giáo” diễn ra ở tất cả các tôn giáo, các cộng đồng xã hội, các tầng lớp dân cư ở mức độ “đậm, nhạt” khác nhau và ở mọi vùng miền trong cả nước.

Trong vòng 16 năm (2001-2017), số tín đồ của các tổ chức tôn giáo đã được công nhận tăng lên 6% trong dân số. Đó là chưa kể các tôn giáo nhóm nhỏ (chủ yếu là các nhóm Tin lành tư gia) chưa được công nhận và các hiện tượng tôn giáo mới rất khó thống kê số lượng người theo. Số lượng tín đồ các tôn giáo đều tăng lên, trong đó tăng nhanh nhất là tín đồ đạo Tin lành, từ 670.000 người năm 2004, đã tăng lên tới trên 1,2 triệu tín đồ năm 2015, tức là tăng gấp gần 2 lần trong 10 năm. Sự phát triển có tính chất đột biến của đạo Tin lành diễn ra chủ yếu ở khu vực miền núi phía Bắc và Tây Nguyên. Đây cũng là hai địa bàn có sự chuyển đổi đức tin tôn giáo diễn ra mạnh mẽ nhất trong thời kỳ đổi mới.

Sự thay đổi diện mạo tôn giáo: Cùng với nhu cầu đời sống tâm linh tôn giáo, sự trở lại của niềm tin tôn giáo và sự gia tăng tín đồ tôn giáo, diện mạo tôn giáo có sự thay đổi theo xu hướng ngày càng đa dạng hóa. Sự biến đổi đó, một mặt, do sự chuyển đạo, đổi đạo diễn ra mạnh mẽ dẫn đến sự ra đời nhiều tôn giáo mới. Mặt khác, do một số tôn giáo sau thời gian dài suy giảm nay đã được khôi phục hoạt động trở lại, được Nhà nước công nhận.

Về diện mạo tôn giáo, trước năm 1985 ở nước ta có ba loại hình tôn giáo, gồm: tôn giáo, tín ngưỡng bản địa; tôn giáo nhập nội, từ nước ngoài du nhập vào Việt Nam và tôn giáo nội sinh. Từ năm 1986 đến nay, xuất hiện loại hình thứ tư, đó là *“hiện tượng tôn giáo mới”*, còn gọi là đạo lạ, với rất nhiều tên gọi khác nhau, số lượng lớn, tập trung chủ yếu ở vùng đồng bằng và trung du Bắc Bộ.

Sự thay đổi cấu trúc tôn giáo, diễn ra sự cấu trúc lại hệ thống tôn giáo cũng như trong từng tôn giáo. Nếu như thay đổi diện mạo tôn giáo nói lên sự biến đổi bên ngoài của thể giới tôn giáo tạo nên các loại hình tôn giáo (4 loại hình nêu trên) phản ánh xu hướng phát triển khách quan của đời sống tôn giáo diễn ra dưới tác động của điều kiện kinh tế - xã hội, thì tái cấu trúc tôn giáo lại nói lên sự biến đổi bên trong của hệ thống tôn giáo và từng tôn giáo, do tác động của chính sách, luật pháp tôn giáo, làm thay đổi địa vị pháp lý của tôn giáo. Nói cách khác, trong tái cấu trúc tôn giáo ở Việt Nam, vai trò chủ thể của Nhà nước mang tính quyết định.

Sự thay đổi cấu trúc hệ thống tôn giáo. Trước năm 1990, nước ta chỉ có ba tổ chức tôn giáo được Nhà nước công nhận: Tổng hội Thánh Tin lành Việt Nam (miền Bắc), (1958); Hội đồng giám mục Việt Nam (1980) và Giáo hội Phật giáo Việt Nam (1981). Từ khi có chính sách đổi mới về công tác tôn giáo, đánh dấu bằng sự ra đời Nghị quyết 24 của Bộ Chính trị (16/10/1990) về tăng cường công tác tôn giáo trong tình hình mới, đã có nhiều tổ chức tôn giáo được Nhà nước thừa nhận.

Từ năm 1990 đến khi Pháp lệnh tín ngưỡng, tôn giáo ra đời (2004), đã có thêm 3 tôn giáo, gồm Hồi giáo (2 Ban đại diện), Cao Đài (9 hệ phái), Phật giáo Hòa Hảo và Hội Thánh Tin lành Việt Nam (miền Nam), nâng lên 6 tôn giáo với 16 tổ chức tôn giáo được công nhận. Từ năm 2005 đến nay, có thêm 10 tôn giáo với 22 tổ chức tôn giáo và 1 pháp môn tu tập, nâng lên 16 tôn giáo với 41 tổ chức và 1 pháp môn được công nhận. Trong đó, có nhiều tôn giáo nhóm nhỏ mang tính địa phương cũng được công nhận như Tứ Ân hiếu nghĩa, Bửu Sơn kỳ hương, Minh Sư đạo, Minh Lý đạo.

Cùng với sự cấu trúc lại hệ thống tôn giáo, với việc “*thiết chế hóa*” tôn giáo của Nhà nước, cấu trúc bên trong của mỗi tôn giáo cũng có sự thay đổi. Đối với Công giáo, Phật giáo, Phật giáo Hòa Hảo, Nhà nước công nhận theo hình thức “*trọn gói*” (cả tôn giáo là một pháp nhân), còn đối với đạo Cao Đài, Tin lành, Hồi giáo, do tính đặc thù nên pháp luật thừa nhận theo tổ chức, hệ phái, thậm chí theo pháp môn tu tập.

Như vậy, sự thay đổi về diện mạo và cấu trúc làm cho bức tranh tôn giáo của Việt Nam ngày càng đa dạng hơn, tính đa nguyên cũng được thể hiện rõ. Nếu như tính đa dạng thể hiện xu hướng phát triển khách quan của đời sống tôn giáo, thì tính đa nguyên lại phản ánh luật pháp tôn giáo của Việt Nam đang tiệm cận mô hình tôn giáo dân sự. Mặt khác, tính đa dạng tôn giáo là hệ quả tất yếu của quá trình chuyển đổi đức tin tôn giáo, còn tính đa nguyên là kết quả của việc hoàn thiện luật pháp tôn giáo ở nước ta.



Hình ảnh chỉ mang tính chất minh họa (sưu tầm).

2.2 Sự chuyển đổi đức tin, xuất hiện hiện tượng tôn giáo mới và hình thành các cộng đồng tôn giáo - tộc người

Ở miền núi phía Bắc, chủ yếu chuyển đổi từ tín ngưỡng đa thần truyền thống sang Kitô giáo. Trong đó, sự chuyển sang Công giáo đã diễn ra từ cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX với sự hình thành các cộng đồng người Mường, người Thái theo Công giáo ở Thanh Hóa, Ninh Bình, Hòa Bình, người Mông ở Sapa (Lào Cai), Yên Bái. Tuy nhiên, Công giáo phát triển chậm, sau hơn 100 năm truyền giáo, ở miền núi phía Bắc mới có 45.488 người dân tộc thiểu số theo Công giáo (2003). Trong khi việc chuyển sang theo đạo Tin lành tuy muộn hơn, nhưng lại có sự phát triển ngoạn mục, đặc biệt từ khi đổi mới đến nay.

Sự kiện này bắt đầu vào năm 1986, khi một số người Mông ở Tuyên Quang qua nghe đài FEBC từ Manila (Philippines) và sự rủ rê của một số đối tượng tại chỗ đã theo đạo Tin lành dưới tên gọi Vàng Chứ. Từ đó, đạo Tin lành - Vàng Chứ nhanh chóng lan sang các vùng người Mông khác và vùng người Dao (dưới tên gọi Thìn Hùng) ở các tỉnh miền núi phía Bắc, tạo nên một phong trào chuyển đổi đức tin mạnh mẽ. Đến năm 2015, đã có 181.615 người dân tộc thiểu số ở 927 bản, 13 tỉnh miền núi phía Bắc theo đạo Tin lành, không kể trên 62 nghìn người Mông theo đạo Tin lành di cư vào Tây Nguyên, sang Lào, Trung Quốc.

Miền núi phía Bắc trở thành địa bàn có số lượng tín đồ theo đạo Tin lành đứng thứ hai trong cả nước, sau Tây Nguyên. Đáng lưu ý, cũng cải đạo theo xu hướng Kitô giáo, nhưng một bộ phận người Mông không theo Tin lành hoặc Công giáo mà lựa chọn “*con đường thứ ba*”, kết hợp giữa tư tưởng Kitô giáo với tín ngưỡng truyền thống tạo nên một thứ đạo lạ: đạo Dương Văn Minh. Có một bộ phận chuyển sang theo Phật giáo, nhưng không nhiều. Đồng thời có hiện tượng chuyển từ Công giáo sang Tin lành và ngược lại, nhất là việc chuyển đổi trong các hệ phái Tin lành diễn ra khá phổ biến ở các tỉnh miền núi phía Bắc.

Tại Tây Nguyên, việc chuyển đạo, đổi đạo diễn ra sớm, theo nhiều xu hướng khác nhau.

Thứ nhất, từ tôn giáo truyền thống chuyển sang Công giáo, diễn ra sớm nhất, đầu tiên ở Bắc Tây Nguyên (Kon Tum), cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX, phổ biến là người Bana, Xơ Đăng theo Công giáo. Từ sau năm 1990, Công giáo phát triển mạnh mẽ, lan rộng ra nhiều tộc người, trở thành tôn giáo có số lượng tín đồ lớn nhất ở Tây Nguyên.

Thứ hai, từ tôn giáo, tín ngưỡng truyền thống chuyển sang đạo Tin lành vào thập niên 30 của thế kỷ XX, phát triển mạnh trong giai đoạn 1954-1975, đặc biệt phát triển ồ ạt từ sau năm 1990. Tây Nguyên trở thành địa bàn có số lượng tín đồ Tin lành nhiều nhất (chiếm 51,17%) trong cả nước.

Thứ ba, từ Công giáo chuyển sang Tin lành vào đầu những năm 2000, khi Tin lành được công nhận và đẩy mạnh truyền giáo vào vùng dân tộc thiểu số ở Tây Nguyên.

Thứ tư, từ tín ngưỡng truyền thống chuyển sang Phật giáo, vào thập niên 1990, đến nay có 20 nghìn phật tử là người dân tộc thiểu số.

Thứ năm, từ Công giáo và Tin lành chuyển sang các hiện tượng tôn giáo mới.

Thứ sáu, chuyển đổi trong nội bộ Tin lành, từ hệ phái này sang hệ phái khác diễn ra phổ biến.

Ngoài ra, việc chuyển đạo, đổi đạo còn diễn ra trong cộng đồng người Kinh (Việt) theo nhiều xu hướng, nhất là chuyển sang theo các hiện tượng tôn giáo mới, ở vùng đồng bằng và trung du Bắc Bộ. Không chỉ có người theo tín ngưỡng truyền thống chuyển sang tôn giáo, mà cả người Khmer theo Phật giáo Nam tông ở Tây Nam Bộ; người Chăm theo đạo Bàni, đạo Islam và đạo Balamôn cũng có tình trạng chuyển sang theo đạo Công giáo hoặc Tin lành.

Việc chuyển đổi đức tin tôn giáo đã dẫn đến sự hình thành các hiện tượng tôn giáo mới (đạo lạ) cả trong cộng đồng người Kinh (Việt) và đồng bào dân tộc thiểu số. Trong người Kinh (Việt), tập trung chủ yếu ở vùng đồng bằng và trung du Bắc Bộ; đa số nảy sinh ở trong nước, dựa vào tín ngưỡng dân gian dung hợp với Phật giáo. Còn trong vùng dân tộc thiểu số theo xu hướng theo Kitô giáo: Dương Văn Minh, Amí Sara, Pơ Khấp Brâu (từ Tin lành), Canh tân đặc sủng, Hà Môn (từ Công giáo). Sự xuất hiện các hiện tượng tôn giáo mới làm thay đổi diện mạo tôn giáo ở nước ta, đồng thời cũng đặt ra nhiều vấn đề cho công tác quản lý nhà nước.

Việc chuyển đạo, đổi đạo còn dẫn đến sự hình thành các cộng đồng tôn giáo - tộc người mới. Đó là những cộng đồng tộc người cùng theo một tôn giáo, được cố kết bởi tôn giáo, bị chi phối bởi giáo lý, giáo luật tôn giáo. Tính cộng đồng tôn giáo tộc người thể hiện mạnh mẽ ở việc lấy đức tin tôn giáo làm yếu tố gắn kết các nhóm sắc tộc. Ở đó, yếu tố tôn giáo đã chi phối yếu tố tộc người, thiết chế tôn giáo thường đan lồng vào thiết chế xã hội. Sự hình thành thiết chế tôn giáo - tộc người đã làm thay đổi nhiều giá trị truyền thống của các cộng đồng này, đáng chú ý là vị trí, vai trò của các già làng, trưởng bản, trưởng dòng họ đã bị thay thế bởi các chức vị đạo, như điểm nhóm trưởng, truyền giáo, mục sư (Tin lành), trùm giáo khu, giáo buôn, giáo sóc, trùm họ đạo, chính trương, linh mục (Công giáo).

Tình trạng chuyển đạo, đổi đạo diễn ra nhanh và mạnh mẽ trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số cũng nảy sinh nhiều vấn đề phức tạp, nhất là nảy sinh vấn đề xung đột đức tin tôn giáo. Những người gia nhập đạo Tin lành, trước hết phải từ bỏ tín ngưỡng truyền thống, đập bỏ bàn thờ gia tiên cũng như từ bỏ các tập tục văn hóa truyền thống khác. Chính vì thế đã nảy sinh mâu thuẫn, xung đột và sự phản ứng gay gắt của những người theo tín ngưỡng bản địa.



Hình ảnh chỉ mang tính chất minh họa (sưu tầm).

2.3 Sự biến đổi về phương thức truyền giáo và lối sống đạo

Sự biến đổi sâu sắc nhất, nổi bật nhất là sự biến đổi niềm tin và thực hành niềm tin tôn giáo ở nước ta diễn ra trong thời kỳ đổi mới dưới tác động của toàn cầu hóa và cuộc cách mạng công nghệ lần thứ ba, lần thứ tư, gắn với những khái niệm mới như truyền giáo thời internet, cầu nguyện thời @, sống đạo online thời cách mạng 4.0.

Truyền giáo thời internet. Vào nửa sau của thế kỷ XX, cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ ba ra đời với những phát minh mới về vệ tinh, máy tính, điện thoại, thiết bị điện tử, công nghệ thông tin và internet,... đã thúc đẩy sự phát triển mạnh mẽ của các phương tiện thông tin truyền thông đại chúng, tạo điều kiện cho các tôn giáo đẩy nhanh quá trình hiện đại hóa với việc sử dụng các phương tiện truyền giáo mới: *“Phương tiện truyền giáo mềm”*.

Đó là việc truyền bá đức tin tôn giáo bằng tư tưởng, văn hóa, học thuật, nghệ thuật với việc sử dụng công cụ của các phương tiện truyền thông đại chúng như kinh sách, đài phát thanh, truyền hình, radio, cassette, Internet và mạng điện tử, chứ không phải bằng vũ lực, quân sự như trước đây. Công nghệ thông tin và

Internet được sử dụng trong tất cả các lĩnh vực quan trọng như truyền giáo, giáo dục tôn giáo, sinh hoạt tôn giáo, sống đạo, quản đạo với nhiều hình thức khác nhau. Nhận thức được giá trị to lớn ấy, lãnh đạo các tôn giáo đón nhận và khuyến khích sử dụng công nghệ thông tin và internet phục vụ cho công cuộc truyền giáo phát triển đạo.

Sống đạo online thời cách mạng công nghiệp 4.0. Cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 diễn ra vào đầu thế kỷ XXI với sự ra đời của công nghệ điện toán đám mây, vạn vật kết nối (internet of things) và sự phát triển các trang mạng xã hội như Facebook, Youtube, Twitter, Google Plus,... phủ sóng toàn cầu, không chỉ giúp con người kết nối với nhau mọi lúc, mọi nơi, làm cho thế giới càng trở nên phẳng và ảo hơn, mà còn có thể làm cho họ kết nối với *“thần thánh”*, với *“thiên đường”*.

Người ta có thể trò chuyện, tương tác với nhau, nhìn thấy nhau nhờ các thiết bị điện tử được nối mạng như tivi, máy tính, điện thoại thông minh (smartphone) chỉ trong vòng *“một nốt nhạc”* mà không cần gặp trực tiếp. Thực tế *“ảo”*, không gian *“ảo”* của cách mạng công nghiệp 4.0 ấy đang len lỏi vào mọi ngõ ngách của đời sống xã hội, trong đó có đời sống tâm linh tôn giáo.

Thậm chí, ngày nay mạng xã hội và Internet, đang trở thành *“đối thủ cạnh tranh”* với cả Tòa Thánh La Mã, đến nỗi trong buổi thánh lễ trước đám đông giáo dân và cả các chức sắc tôn giáo tại quảng trường thánh Phêrô (ngày 8/11/2017), Giáo hoàng Phanxicô đã phải thống thiết kêu gọi rằng: *“Các con hãy đặt điện thoại xuống và nâng tâm hồn mình lên”*.

Tóm lại, dưới tác động của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0, đời sống tâm linh - tôn giáo ở nước ta đang có sự biến đổi sâu sắc, xuất hiện loại hình sống đạo mới: sống đạo online. Mặc dù các tôn giáo đều cho rằng, việc sống đạo online, kể cả đi lễ chùa online, tham dự thánh lễ online hay cúng giỗ online không thể thay thế cho sống đạo trực tiếp, song các tôn giáo đều không phản đối, thậm chí còn khuyến khích lối sống đạo trực tuyến này để thu hút tín đồ thời cách mạng công nghiệp 4.0.

Trong xu thế phát triển chung, nhất là sự phát triển của trí tuệ nhân tạo với những loại dịch vụ mới như rôbốt bán hàng, rôbốt dạy học, rôbốt phát thanh viên truyền hình, thì việc xuất hiện loại hình rôbốt giáo sĩ cũng chỉ còn là vấn đề thời gian, nhất là trong bối cảnh *“ơn gọi”* giáo sĩ hướng dẫn việc đạo đang thiếu trầm trọng như hiện nay.

3. Một số nhận xét và giải pháp kiến nghị

3.1 Nguyên nhân và một số mặt trái của toàn cầu hoá tôn giáo ở Việt Nam

Sự biến đổi của đời sống tôn giáo ở Việt Nam trong thời kỳ đổi mới như đã nêu trên trước hết là do tác động của sự biến đổi về đời sống kinh tế, văn hóa, xã hội của công cuộc đổi mới phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, mở rộng giao lưu, hội nhập quốc tế ở nước ta diễn ra trong bối cảnh toàn cầu hóa và cuộc cách mạng công nghiệp 4.0.

Mặt khác, sự biến đổi ấy còn do chính sách đổi mới công tác tôn giáo của Đảng và Nhà nước ta ngày càng cởi mở, thông thoáng hơn. Đồng thời, nó là hệ quả của sự phục hồi và gia tăng nhu cầu đời sống tâm linh tôn giáo sau bao năm bị kìm nén bởi chiến tranh, nay bước vào thời kỳ đổi mới, mở cửa có điều kiện trỗi dậy, bung ra.

Sự biến đổi đời sống tôn giáo ở nước ta trong hơn 30 năm qua diễn ra vô cùng mạnh mẽ, sâu rộng về mọi mặt. Trước hết là sự trở lại niềm tin tôn giáo, sự gia tăng số lượng tín đồ, chức sắc đã làm thay đổi không gian phân bố và diện mạo, cấu trúc của hệ thống tôn giáo ở nước ta. Diện mạo, cấu trúc tôn giáo ở Việt Nam được tái cấu trúc theo xu hướng hệ thống tôn giáo ngày càng đa dạng hơn về loại hình, tính đa nguyên cũng thể hiện rõ nét hơn. Cùng với sự trở lại niềm tin, gia tăng nhu cầu sinh hoạt tôn giáo, sự chuyển đổi đức tin tôn giáo của một bộ phận nhân dân, đặc biệt là đồng bào dân tộc thiểu số ở miền núi phía Bắc, Tây Nguyên cũng diễn ra rất sôi động. Sự chuyển đổi đức tin tôn giáo đã làm thay đổi diện mạo đời sống tôn giáo ở nước ta, đưa tới sự hình thành các cộng đồng tôn giáo mới, xuất hiện các cộng đồng tôn giáo - tộc người mới diễn ra ở hầu hết các tộc người thiểu số, nhất là người Mông, người Dao và các tộc người ở Tây Nguyên.

Sự xuất hiện các cộng đồng tôn giáo - tộc người, một mặt là thay đổi các giá trị truyền thống trong các cộng đồng này, mặt khác cũng làm nảy sinh mâu thuẫn, xung đột văn hóa, đức tin giữa các cộng đồng tôn giáo - tộc người với nhau. Bởi vì, trong hầu hết các trường hợp, chuyển đổi đức tin tôn giáo đồng nghĩa với việc từ bỏ, đoạn tuyệt với tôn giáo, tín ngưỡng truyền thống để gia nhập các tôn giáo khác, nhất là đối với đạo Tin lành và Công giáo. Những mâu thuẫn đó rất dễ bị các thế lực xấu lợi dụng để chống phá Đảng, Nhà nước như đã từng xảy ra ở Tây Nguyên, Tây Bắc.

3.2 Một số khuyến nghị

Thứ nhất, đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến về chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về tự do tín ngưỡng tôn giáo trong đội ngũ cán bộ, công chức cũng như chức sắc, tín đồ các tôn giáo. Tạo sự nhận thức sâu sắc trong xã hội, xác định tôn giáo là một thực thể xã hội, là một nguồn lực cho sự phát triển của đất nước, đúng với tinh thần Chỉ thị số 18-CT/TW ngày 10/01/2018 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 25-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa IX) về công tác tôn giáo trong tình hình mới. Chú trọng nâng cao nhận thức cho Nhân dân hiểu rõ sự xuất hiện của các hiện tượng *“tôn giáo mới”*, đa nguyên tôn giáo, hiểu rõ đâu là chính đạo, đâu là tác hại của các *“đạo lạ”* đối với xã hội trong bối cảnh hội nhập. Qua đó, sàng lọc, hạn chế ảnh hưởng tiêu cực đến đời sống tín ngưỡng tôn giáo của Nhân dân.

Thứ hai, Nhà nước tiếp tục hoàn thiện các chính sách, pháp luật về hoạt động tín ngưỡng tôn giáo, đặc biệt quản lý và định hướng các hoạt động tín ngưỡng tôn giáo theo hướng phù hợp với thuần phong, mỹ tục của dân tộc gắn liền với quy định của luật pháp. Cần sớm ban hành các văn bản dưới luật để điều chỉnh các hoạt động tín ngưỡng tôn giáo phù hợp, vừa tạo sự hài hòa, đồng thuận xã hội, vừa ngăn chặn các hoạt động lợi dụng tín ngưỡng tôn giáo để trục lợi.

Thứ ba, từng bước hoàn thiện bộ máy quản lý nhà nước về hoạt động tôn giáo các cấp, nhất là cơ sở. Chú trọng công tác phân công, phối hợp giữa các tổ chức trong hệ thống chính trị để bảo đảm gắn kết hiệu quả thực hiện công tác tôn giáo với quản lý nhà nước về hoạt động tôn giáo. Thực hiện tốt phương thức vận động, thuyết phục với quản lý bằng pháp luật để bảo đảm tính hiệu lực, hiệu quả của Nhà nước trong quản lý hoạt động tôn giáo.

Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức trong bộ máy hành chính nhà nước đủ phẩm chất, năng lực để quản lý hoạt động tôn giáo. Tạo được sự chuyển biến về chất trong đội ngũ công chức để tham mưu hiệu quả cho chính quyền các cấp trong quản lý nhà nước các hoạt động tôn giáo.

Thứ tư, Quản lý nhà nước về các hoạt động tôn giáo phải nắm bắt xu thế biến đổi, vận động, tiếp biến không ngừng của tôn giáo trong bối cảnh toàn cầu hóa. Dự báo những xu thế phát triển tôn giáo để phát huy những mặt tích cực, phòng ngừa, ngăn chặn những tư tưởng tôn giáo cực đoan xâm nhập; đồng thời tăng cường hợp tác quốc tế nhằm tạo sự kết nối, giải quyết hiệu quả các vấn đề tôn giáo, bảo đảm ngăn chặn các hoạt động lợi dụng tôn giáo, bảo đảm tự do tín

ngưỡng tôn giáo cho mọi tầng lớp nhân dân.

4. Kết luận

Những thay đổi của đời sống tôn giáo nêu trên đòi hỏi cần có cách thức nhìn nhận, quan điểm mới cũng như chính sách, pháp luật nhằm phát huy được mặt tích cực, hạn chế tiêu cực của tôn giáo trong phát triển bền vững đất nước.

Trước hết, cần phải quán triệt sâu sắc việc nhìn nhận tôn giáo là một nguồn lực cho sự phát triển của đất nước như Chỉ thị số 18-CT/TW ngày 10/1/2018 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 25-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX về công tác tôn giáo trong tình hình mới đã chỉ rõ, Đảng và Nhà nước cần phải tiếp tục hoàn thiện chính sách, pháp luật về tôn giáo để phát huy, khai thác tốt nguồn lực tôn giáo, nhất là trên phương diện từ thiện - nhân đạo, an sinh xã hội, bảo trợ xã hội cũng như trong lĩnh vực giáo dục nâng cao dân trí, đào tạo nguồn nhân lực xã hội, y tế chăm sóc sức khỏe cho nhân dân, góp phần phát triển bền vững đất nước trong thời đại toàn cầu hóa và cách mạng công nghiệp 4.0 hiện nay.

Muốn vậy, cần phải sửa đổi, bổ sung chính sách, pháp luật liên quan đến tôn giáo như đất đai, văn hóa, luật giáo dục, y tế... bảo đảm đồng bộ với luật pháp về tôn giáo và các công ước quốc tế mà Việt Nam tham gia. Về lâu dài, cần xây dựng luật pháp tôn giáo bảo đảm sự hài hòa tôn giáo, đồng thuận xã hội theo phương châm mọi tổ chức, cá nhân tôn giáo (cũng như xã hội) đều được làm những gì luật pháp không cấm, nhằm phát huy một cách tốt nhất nguồn lực tôn giáo cho phát triển bền vững đất nước.

Tài liệu tham khảo:

1. Vũ Chiến Thắng, Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ công tác tôn giáo ở nước ta hiện nay, Tạp chí Cộng sản số 140, tháng 8/2018.
2. Ngô Văn Trân (2016), Quản lý nhà nước về các hoạt động tôn giáo ở các tỉnh miền Trung Việt Nam, thực trạng và giải pháp. Nxb Thuận Hóa, tr. 54.
3. Chu Văn Tuấn (2015), Sự biến đổi của tôn giáo ở Việt Nam trong bối cảnh hội nhập quốc tế. Tạp chí Nghiên cứu tôn giáo, số 1 (139).
4. Đặng Nghiêm Vạn (1998), Về tín ngưỡng, tôn giáo Việt Nam hiện nay. Nxb Khoa học xã hội.

5. Đỗ Lan Hiền (2017), Những biến động trong đời sống tôn giáo hiện nay và tác động của nó đến lối sống người Việt. Nxb Chính trị quốc gia Sự thật.

Tác giả: **ThS. Bùi Văn Hà**

Giảng viên Khoa Lý luận chính trị - Trường ĐHSPKT Hưng Yên